TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI
Bản án số 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày 18/8/2021
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con "

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor Pep
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Tạ Thị Hài
2. Bà Võ Thị Đan Trinh

-Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Giang– Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa – Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương Dịu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2021/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc*" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị O, sinh năm 1981
Nơi cư trú: Tổ dân phố 9, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1981
Nơi cư trú: Tổ dân phố 9, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Vắng mặt tại phiên tòa lần thứu hai mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Oanh trình bày:

Vào năm 2002, chị và anh Nguyễn Văn D có tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum vào ngày 07/5/2002. Trong quá trình chung sống thì cuộc sống giữa chị và anh D nảy sinh rất nhiều mâu thuẫn, anh D không lo làm ăn, thường xuyên chơi bời dẫn đến nợ nần rất nhiều, đã

nhiều lần chị đứng ra trả nợ cho anh D và khuyên bảo anh D không nên lặp lại những việc đó nữa nhưng anh D không nghe. Từ những nguyên nhân đó, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D ngày càng xa cách, chị và anh D đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị O được ly hôn với anh Nguyễn Văn D trước pháp luật.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung tên Nguyễn Quý Ph, sinh ngày 01/6/2003 và cháu Nguyễn Thị Minh Th, sinh ngày 06/8/2005. Khi ly hôn, chị yêu cầu giao cháu Th cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; còn cháu Ph đã đủ tuổi, đã thành niên và có thể tự lập được cuộc sống của mình nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu cầu anh D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Bùi Văn D đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh Nguyễn Văn D vẫn vắng mặt nên không có lời khai hay ý kiến gì có trong hồ sơ vụ án.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35; khoản 1, Điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 9, 51, 53, 54, 57,58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Bùi Thị O và anh Nguyễn Văn D được ly hôn trước pháp luật.

- *Về con:* Giao con chung Nguyễn Thị Minh Th, sinh ngày 06/8/2005 cho chị Bùi Thị O được trực tiếp trôm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

-*Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

-*Về án phí* : Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn D như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập…theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh D không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng; ở giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh D vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Còn nguyên đơn chị Bùi Thị O đã nhận được quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ nhưng đã có đơn xin được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như trong đơn xin được xét xử vắng của nguyên đơn để quyết định. Các đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị O và anh Nguyễn Văn D đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum vào ngày 07/5/2002. Việc kết hôn của chị Bùi Thị O và anh Nguyễn Văn D đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của chị O, anh D là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt. Hiện tại chị Bùi Thị O và anh Nguyễn Văn D đã sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm nhau nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hiện tại, nguyên đơn chị Bùi Thị O vẫn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Ngày 01/6/2021 Tòa án đã tiến hành xác minh tại thôn trưởng tổ dân phố 9, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai thì được biết cuộc sống chung của chị O, anh D có xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp; hai bên nhiều lần hòa giải nhưng không thành, chị Oanh và anh Dũng đã sống ly thân được một khoảng thời gian.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị O và anh D đã mâu thuẫn mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí hướng xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu ly hôn của chị O là chính đáng và có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị O, xử

cho chị Bùi Thị O được ly hôn với anh Nguyễn Văn D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con: Chị Bùi Thị O và anh Nguyễn Văn D co 02 con chung là Nguyễn Quý Ph, sinh ngày 01/6/2003 và cháu Nguyễn Thị Minh Th, sinh ngày 06/8/2005. Khi ly hôn chị Bùi Thị O có yêu cầu được nuôi con chưa thành niên là cháu Th. Tại biên bản ghi ý kiến của cháu Nguyễn Thị Minh Th thể hiện nếu bố mẹ cháu phải ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con Nguyễn Thị Minh Th cho chị Bùi Thị O được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con là phù hợp với nguyện vọng của con đồng thời phù với Điều 81của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận; Còn cháu Ph đã trưởng thành và có thể tự lập được cuộc sống của mình, chị Oanh cũng không yêu cầu xem xét nên Tòa án không đề cập đến.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích chị Bùi Thị O về quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị O vẫn giữ nguyên quan điểm không yêu cầu anh D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị O phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 1; Điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị O được ly hôn với anh Nguyễn Văn D trước pháp luật.
- *Về con:* Giao con chung cháu Nguyễn Thị Minh Th, sinh ngày 06/8/2005 cho chị Bùi Thị O được trực tiếp trôm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Oanh có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Dũng.

Chị O cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Nguyễn Văn D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-*Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chị Bùi Thị O phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0007674 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị Bùi Thị O đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Bùi Thị O và anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Gia Lai(01 bản);
-VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
-Chi cục THADS huyện (01 bản);
-UBND TT Đăk Hà (01 bản);
-Các đương sự (02 bản);
-Lưu hồ sơ/VP (02 bản).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ksor Pep